

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngư
2. Ông Lâm Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên

Ngày 25/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-ST, ngày 03/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/01/1989,
Địa chỉ: đường Đ, khóm T, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)
2. Bị đơn: Anh Danh Minh T, sinh năm 1991,
Địa chỉ: số 231 ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 09/11/2005, chị và anh Danh Minh T sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Danh Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2015, hiện nay đang sống chung với chị. Nguyên

nhân mâu thuẫn do anh T luôn bỏ mặt gia đình vợ con, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên có lời lẽ không tốt đối với chị. Từ đó, chị C cảm thấy sống chung không có hạnh phúc. Nay chị Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Danh Minh T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Danh Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2015, chị C xin yêu cầu được quyền nuôi dưỡng đến trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đối với anh Danh Minh T là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Danh Minh T, về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Danh Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2015 và không yêu cầu bị đơn Danh Minh T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C cho chị được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị C và anh T có 01 con chung tên Danh Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2015. Tại phiên tòa hôm nay, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian chị C và anh T xảy ra mâu thuẫn, cháu H là con chung của anh chị, đã và đang sống chung với chị C ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và theo nguyện vọng của chị C là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành. Từ những phân tích nêu

trên, nên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị Nguyễn Thị C là có căn cứ để chấp nhận. Giao cháu H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Đối với anh T không trực tiếp nuôi con chung vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Tuấn, về con chung: Giao cháu Danh Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét, về tài sản và nợ chung: Không có, chị C không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Danh Minh T.

1.1. *Về con chung:* Giao cháu Danh Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2015 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

1.2. *Về cấp dưỡng:* Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

Bị đơn anh Danh Minh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008488, ngày 14/12/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND phường M thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân